

NHTMCP Nam Á (NAB)

Khát Vọng Vươn Xa

Quy mô tài sản mở rộng nhanh chóng

Vị thế quy mô tổng tài sản (trong 27 ngân hàng) của NAB tăng trưởng theo thời gian từ vị trí 18 năm 2021-2022 và 17 năm 2023-2024 lên vị trí 14 năm 2025. Nhờ vào việc tăng trưởng cao hơn qua các năm đã giúp cho ngân hàng vươn lên từ nhóm ngân hàng nhỏ sang tầm trung.

Trong khi đó, hoạt động tín dụng luôn duy trì tăng trưởng tương đương so với trung bình ngành trong giai đoạn 2021-2025. Hiệu quả hoạt động đạt ở mức cao trong những năm gần đây. Tỷ lệ ROE thuộc top 5,6 trong ngành (2024,2025) trong khi đó ROA ở mức trung bình ngành.

Liên tục tăng vốn cho nhu cầu mở rộng

Trong giai đoạn 2021-2025, tăng vốn nhanh chóng từ 5,306 tỷ đồng trong 2021 lên 17,157 tỷ đồng trong 2025 với tỷ lệ CAGR là 34%. Trong năm 2026, NAB tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 22,588 tỷ đồng. Quá trình tăng vốn đóng góp từ chia cổ tức cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và phát hành riêng lẻ. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài còn thấp 1.1%, cơ sở để thu hút thêm nhà đầu tư ngoại.

Kỳ vọng giữ vững vị thế mang tính bền vững hơn

Lợi nhuận 1Q26 tăng trưởng vượt bậc 34% n/n đạt 1,311 tỷ đồng, hoàn thành 26.5% kế hoạch năm 2026. Động lực chủ yếu là từ hoàn nhập trích lập dự phòng, trong bối cảnh giá trị trích lập dự phòng trong năm 2025 cao. Năm 2026, Ngân hàng dự kiến sẽ tiếp tục gia tăng hoạt động tín dụng và gia tăng thu ngoài lãi để mang lại sự tăng trưởng bền vững hơn. Theo ước tính của chúng tôi, lợi nhuận 2026 ước tính đạt 4,820 tỷ đồng, +15%/n/n với hoạt động tín dụng duy trì và chi phí hoạt động và nợ xấu kiểm soát hiệu quả.

Định giá: Mức định giá P/Bwf 2026 ước tính là 0.9x, thấp hơn trung bình 5 năm 1.1x. Rủi ro: Tín dụng và NIM thấp hơn dự kiến, nợ xấu tăng trở lại, và rủi ro pha loãng cổ phiếu từ việc tăng vốn liên tục.

	2022A	2023A	2024A	2025A	2026F
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	5,973	7,644	9,052	11,535	12,554
(tăng trưởng, %)	24.0	28.0	18.4	27.4	8.8
LNTDPTD (tỷ đồng)	3,131	4,152	5,066	7,717	8,411
LN dành cho NH mẹ (tỷ đồng)	1,808	2,622	3,607	4,182	4,820
NIM (%)	3.32	3.69	3.71	2.73	2.55
Chi phí tín dụng (%)	0.76	0.64	0.34	1.35	1.09
Tăng trưởng tín dụng (%)	15.8	16.3	18.3	17.8	17.8
Tỷ lệ chi phí / thu nhập (%)	47.6	45.7	44.0	33.1	33.0
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.3	2.1	2.3	2.2	2.0
Tỷ lệ dự trữ/lỗi tín dụng (%)	77.2	51.6	52.8	53.4	57.0
CAR (%)	8.9	11.2	12.7	11.2	12.7
BPS (VND, điều chỉnh)	6,376	7,683	9,369	11,381	13,649
EPS (VND, điều chỉnh)	836	1,246	1,679	1,959	2,269
(tăng trưởng, %)	1.0	49.1	34.8	16.6	15.8
PB (x)	1.8	1.5	1.2	1.0	0.9
PE (x)	14.0	9.4	7.0	6.0	5.2
ROA (%)	1.1	1.4	1.6	1.3	1.1
ROE (%)	17.5	18.8	20.9	19.6	18.7
Suất sinh lời cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: LN ròng, EPS and ROE dựa trên lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ

Công Ty BCPT

Ngân hàng

30/05/2026

Đánh giá **Không Xếp Hạng**

Giá mục tiêu **NA** Từ 11,700

Lợi nhuận

Thống kê

VNIIndex (May 30, pt)	1,863
Stock price (May 30, VND)	11,700
Market cap (USD mn)	915
Shares outstanding (mn)	2,059
52-Week high/low (VND)	14,167/10,084
6M avg. daily turnover (USD mn)	0.81
Free float / Foreign ownership (%)	96.9/1.1
Cổ đông lớn (%)	
Ròng Thái Bình Dương	9.09
CTCPTM Sản Xuất Độc Lập	4.1%

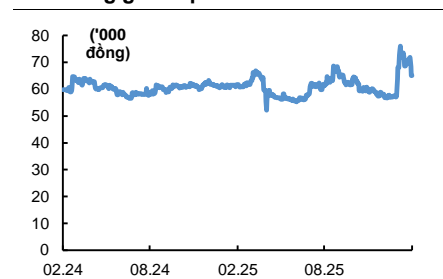
EPS điều chỉnh (KIS ước tính, đồng)

	Quá khứ	Điều chỉnh	(%)
2023F	N/A	N/A	
2024F	N/A	N/A	

Biến động giá cổ phiếu

	1M	6M	12M
Tuyệt đối (%)	0.0	0.0	0.0
Tương đối với VNI (%)	0.0	-0.1	-0.4

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Báo cáo nói về điều gì?

- Quy mô hoạt động tăng nhanh chóng và duy trì hiệu quả hoạt động
- Liên tục tăng vốn duy trì hoạt động kinh doanh
- Kỳ vọng giữ vững vị thế mang tính bền vững hơn

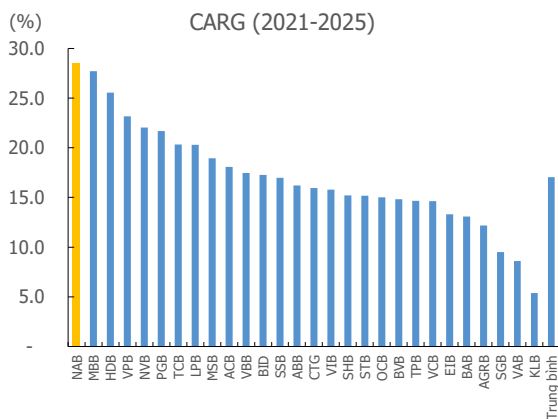
I. Quy mô mở rộng nhanh chóng

1. Quy mô tài sản tăng nhanh chóng

Quy mô tài sản tăng liên tục qua các năm đặc biệt từ năm 2023 trở đi tăng cao hơn trung bình ngành. Trung bình năm 2022-2024 là 17%, cao hơn mức trung bình ngành là 15% và năm 2025 tổng quy mô tài sản tăng trưởng vượt bậc lên 71%. Nhờ vào việc tăng trưởng cao hơn mức trung bình ngành qua nhiều điều này giúp cho ngân hàng vươn lên nhóm ngân hàng từ nhỏ sang tầm năm trung. Vị thế quy mô tổng tài sản (trong 27 ngân hàng) của NAB tăng trưởng theo thời gian từ 18 năm 2021-2022, 17 năm 2023-2024, và 14 năm 2025.

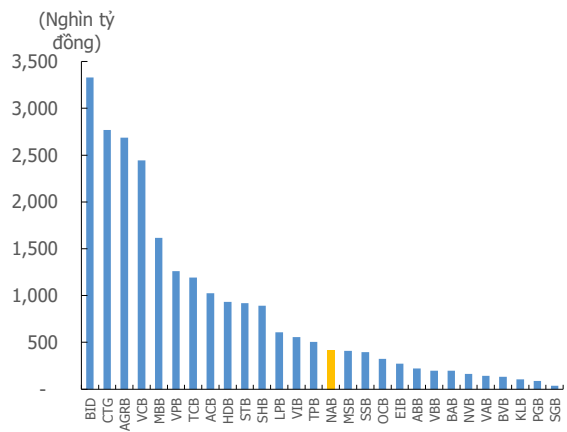
Vị thế tổng tài sản gia tăng nhanh trong trong giai đoạn 2021-2025

Biểu đồ 1. Tăng trưởng tổng tài sản CAGR (2021-2025)



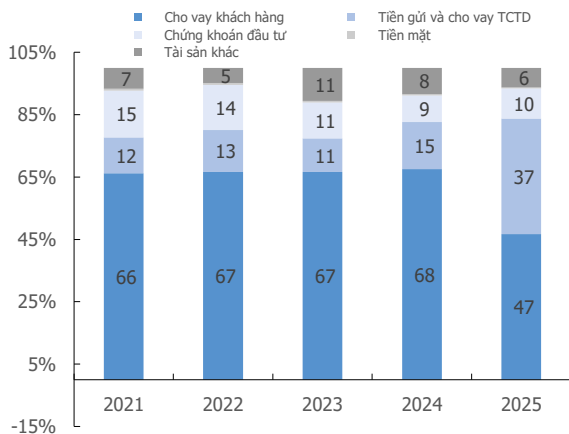
Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 2. Quy mô tổng tài sản tại thời điểm 2025



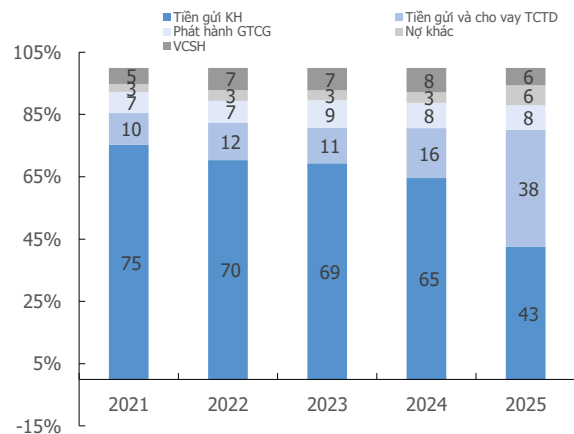
Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 3. Cấu trúc tài sản



Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 4. Cấu trúc nguồn vốn



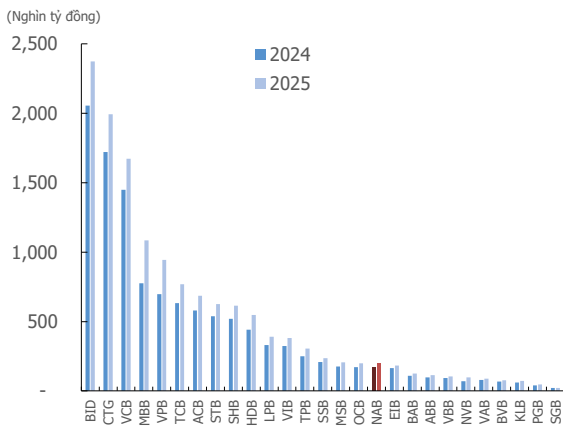
Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

Vị thế tín dụng duy trì tương đối ổn định trong giai đoạn 2021-2025

Nhìn chung hoạt mở rộng quy mô tổng tài sản chủ yếu đến từ hoạt động liên ngân hàng và hoạt động tín dụng. Tuy nhiên, việc tăng quá nhanh từ thị trường liên ngân hàng có thể không bền vững do sự biến động lớn của thị trường liên ngân hàng. Đặc biệt năm 2025, tỷ trọng thị trường liên ngân hàng tăng mạnh, điều này có khả năng sẽ không duy trì được vị thế mở rộng vượt bậc như chứng kiến năm 2025.

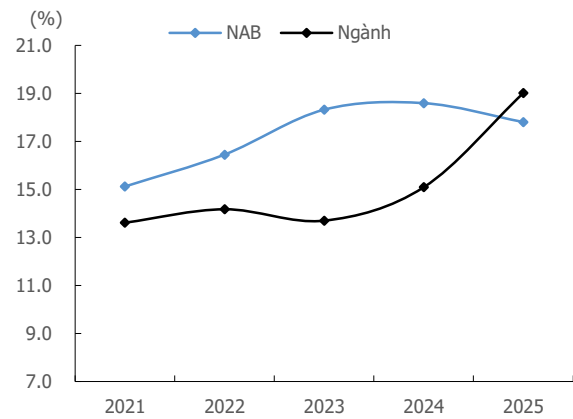
Hoạt động cho vay giữ vị trí 17 cho cả 2 năm 2023-2025. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay giai đoạn 2021-2025 là 18%, tương đương với tốc độ tăng trưởng ngành là 18% (27 ngân hàng).

Biểu đồ 5. Cho vay khách hàng



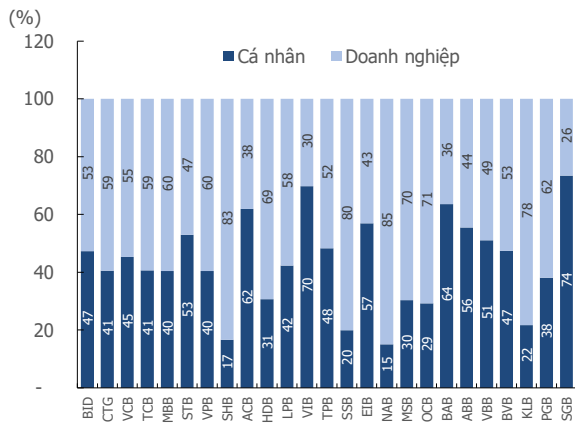
Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 6. Tăng trưởng cho vay khách hàng



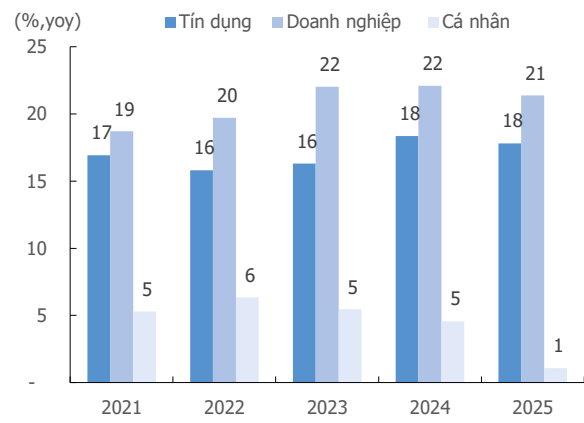
Nguồn: FiiproX, Banks KIS Research

Biểu đồ 7. Cho vay khách hàng



Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 8. Tăng trưởng tín dụng theo phân khúc



Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

NAB có thể mạnh cho vay khách hàng doanh nghiệp

Theo cơ cấu danh mục cho vay NAB tại thời điểm năm 2025 tập trung vào nhiều cho vay khách hàng doanh nghiệp (85%) hơn là khách hàng cá nhân (15%). So với mức trung bình ngành tỷ lệ cho vay bán lẻ là 43%. So với các ngân hàng khác, NAB không có lợi thế trong cạnh tranh nhiều trong việc mở rộng phân khúc cho vay bán lẻ. Ngoài ra, Tỷ trọng cho vay bán lẻ của NAB giảm dần từ 24% trong 2021 xuống còn 15% trong năm 2025.

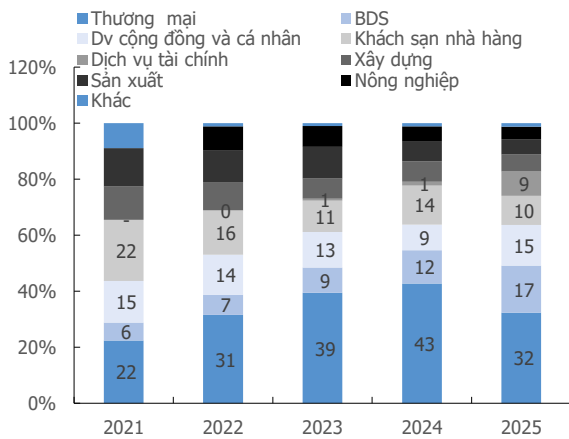
Tăng trưởng cho vay khách hàng doanh nghiệp cũng là động lực chính của NAB trong giai đoạn 2021-2025. Và tăng mạnh ở các nhóm ngành như thương mại và kinh doanh bất động sản.

Tỷ trọng cho vay bất động sản chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu danh mục cho vay và gia tăng qua các năm

Theo cơ cấu danh mục cho vay (2025) thì hiện tại NAB có mức độ tập trung hơn so với ngành vào các ngành thương mại (32%), kinh doanh bất động sản (17%), nhà hàng khách sạn (10%), dịch vụ tài chính (9%).

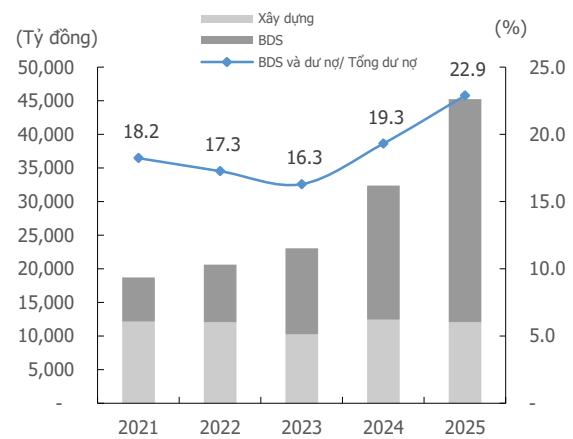
Tỷ trọng dư nợ cho vay bất động sản và xây dựng tăng mạnh từ các năm gần đây từ 16.3% trong 2023 lên 22.9% trong 2025. Đặc biệt tăng đối với cho vay kinh doanh bất động sản từ 9.1% trong 2023 lên 16.8% trong năm 2025. Tuy nhiên trong giai đoạn tới, dự kiến NAB sẽ tăng trưởng tín dụng theo định hướng chung là tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thủy sản và giảm tỷ trọng tín dụng cho vay kinh doanh bất động sản.

Biểu đồ 9. Cho vay khách hàng



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 10. Dư nợ bất động sản và xây dựng

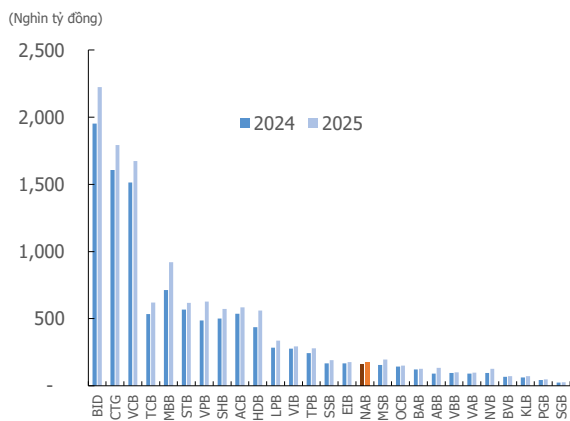


Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Thanh khoản của ngân hàng duy trì tốt so với trung bình ngành.

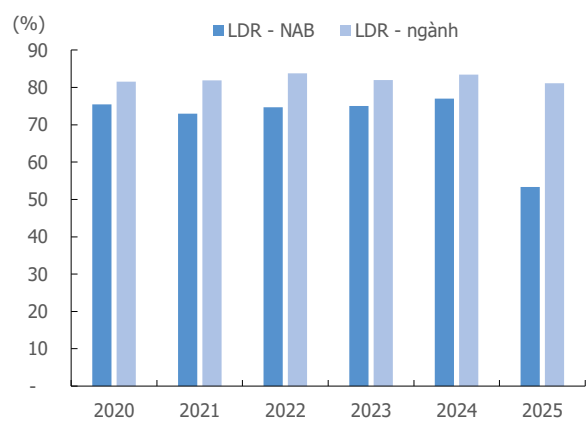
Hoạt động huy động kém hấp dẫn hơn so với ngành. Thị phần huy động đứng vị thế 15 năm 2022-2023 và 16 năm 2024-2025. Tốc độ tăng trưởng huy động 11.4% giai đoạn 2021-2025, thấp hơn tốc độ động của ngành 14.4%. Tuy nhiên, tỷ lệ thanh khoản của ngân hàng được đánh giá khá tốt, tỷ lệ LDR của NAB luôn duy trì ở mức dưới 80%, trong khi trung bình ngành thì cao hơn 80%.

Biểu đồ 11. Huy động khách hàng



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 12. Tỷ lệ LDR



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

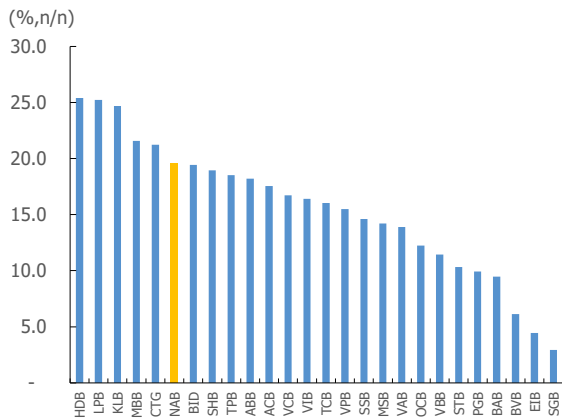
ROE thuộc top cao trong ngành. ROA đạt mức tương đương ngành

2. Hiệu quả hoạt động đạt mức cao

ROE của NAB duy trì mức 19%-20% trong 2024 và 2025. Giúp NAB thuộc nhóm ngân hàng có tỷ suất sinh lời thuộc nhóm cao nhất (Top 5,6). Trong khi đó mức ROE trung bình 2024 và 2025 đạt 15%-16%.

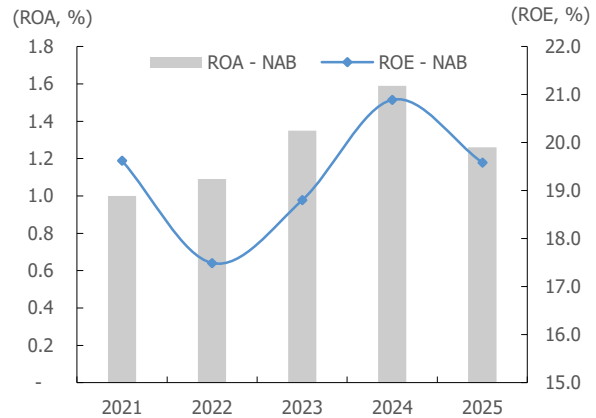
ROA duy trì mức ở mức tương đương hoặc cao hơn trung bình ngành 1.3%-1.6% trong giai đoạn 2023-2025. Đây được xem là mức hợp lý trong bối cảnh ngân hàng mở rộng nhanh chóng quy mô mở cân đối tài sản trong giai đoạn này.

Biểu đồ 13. ROE



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 14. ROA

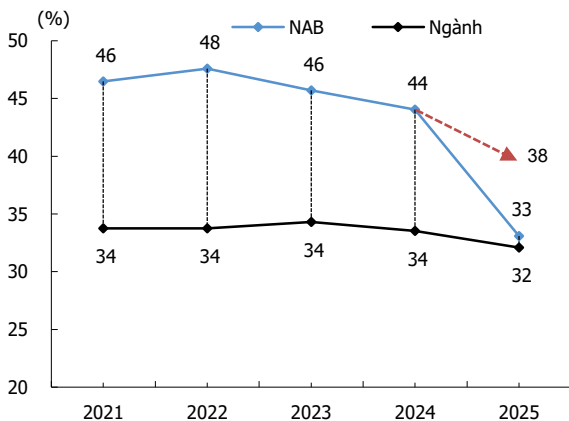


Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Hiệu quả hoạt động cải thiện qua các năm. Tăng cường kiểm soát chi phí.

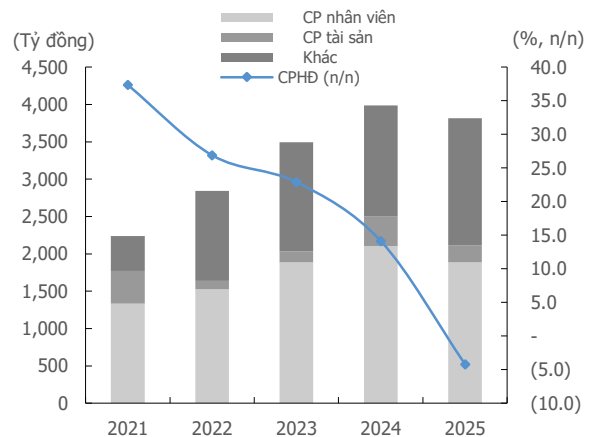
Kiểm soát chi phí hoạt động hiệu quả. Tỷ lệ NAB giảm dần trong giai đoạn 2021-2025 và tiệm cận trung bình ngành. Tuy nhiên, nếu loại trừ thu nhập khác cao bất thường, thì tỷ lệ CIR giảm dần từ 48% trong 2022 xuống còn 38% in 2025. Chi phí hoạt động tăng trưởng chậm lại, đặc biệt đến từ cấu phần chính chi phí nhân viên. Nhờ vào chuyển đổi số sâu rộng đã giúp NAB góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động.

Biểu đồ 15. CIR



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 16. Chi phí hoạt động



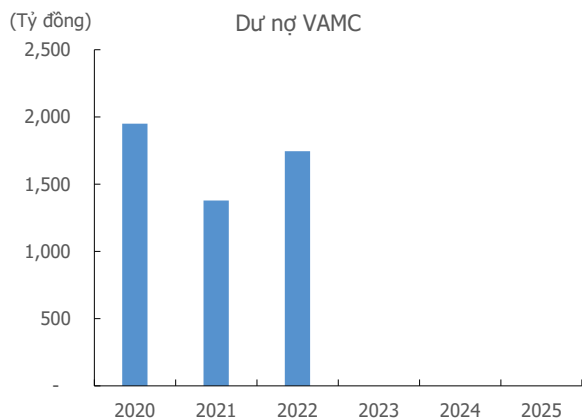
Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Chất lượng tín dụng vẫn trong tầm kiểm soát mặc dù chất lượng tín dụng và bộ đệm dự phòng vẫn còn thấp

Giai đoạn 2023-2025, chất lượng của NAB được cải thiện hơn sau khi hoàn xử lý tài sản tồn đọng từ giai đoạn trước. Không còn dư nợ VAMC từ năm 2023, điều này góp phần cho NAB tập trung nguồn lực vào tài sản có mức sinh lời cao. Trong những năm gần đây, tỷ lệ nợ xấu luôn duy trì mức dưới 2.5% và kế hoạch đã đề ra, kỳ vọng nợ xấu sẽ được tiếp tục kiểm soát

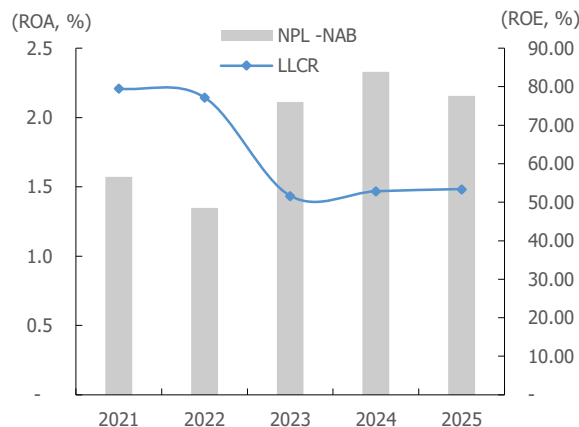
trong thời gian tới. Tuy nhiên, tỷ lệ bảo phủ hiện tại ở mức 50%, mức tương đối thấp so với mức chung của ngành.

Biểu đồ 17. Dư nợ VAMC tại NAB



Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 18. Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ bao phủ nợ xấu

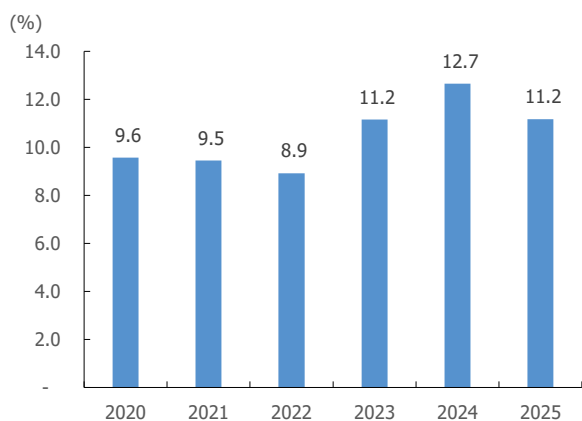


Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

Đảm bảo an toàn hoạt động và hiệu quả

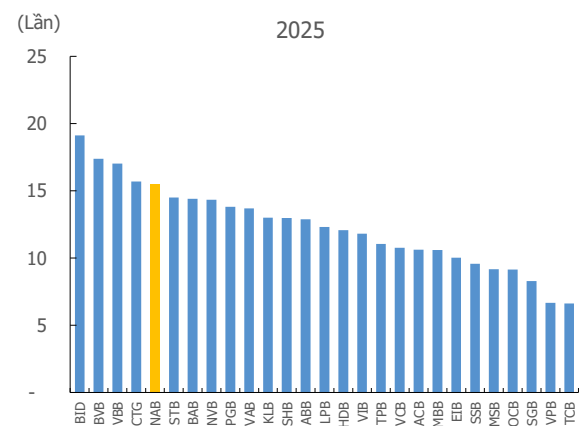
Nhờ sử dụng đòn bẩy cao (đứng top 5 trong ngành) đã góp phần NAB duy trì được lợi nhuận hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Bên cạnh đó tỷ lệ an toàn vốn luôn duy trì ở mức cao, trong 3 năm gần đây tỷ lệ này luôn trên 11% so với mức quy định là 8%, vẫn đảm bảo để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh.

Biểu đồ 19. Hệ số CAR



Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 20. Tổng tài sản/ vốn chủ sở hữu



Nguồn: FiiproX, Banks, KIS Research

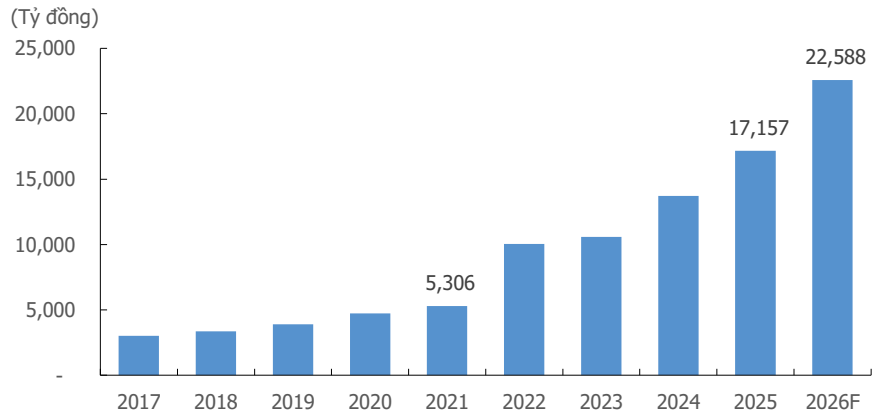
Trong 1Q26, Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) được duy trì ở mức 10.5% trên ngưỡng yêu cầu tối thiểu 8% theo quy định của NHNN, tiếp tục đáp ứng các chuẩn mực quốc tế theo Basel III; đồng thời tiên phong triển khai việc tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn vốn theo Thông tư 14/2025/TT-NHNN của NHNN.

Tăng vốn nhanh chóng qua các năm.

3. Không ngừng tăng vốn đáp ứng nhu cầu mở rộng

Trong giai đoạn 2021-2025, quá trình tăng vốn nhanh chóng tăng từ 5,306 tỷ đồng trong 2021 lên 17,157 tỷ đồng trong 2025 với tỷ lệ CAGR là 34%. Trong năm 2026, NAB tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 22,588 tỷ đồng. Quá trình tăng vốn đóng góp và chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và thu hút nhà đầu tư và phát hành riêng lẻ.

Biểu đồ 21. Tình hình tăng vốn qua các thời kỳ



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Tình hình chi trả cổ tức cổ phiếu trong thời gian qua và thời gian tới

Bảng 1. Lịch sử trả cổ tức của Nam Á

Ngày đăng ký cuối cùng	Phương thức	Tỷ lệ thực hiện	Khối lượng phát hành
07/11/2025	Phát hành cổ phiếu thưởng	25.00%	343,135,927
10/02/2024	ESOP	3.78%	50,000,000
07/12/2024	Phát hành cổ phiếu thưởng	25.00%	264,508,938
07/07/2023	Phát hành cổ phiếu thưởng	25.00%	211,606,954
10/20/2022	Phát hành cổ phiếu thưởng	10.21%	67,003,698
10/20/2022	Cổ tức bằng cổ phiếu	18.74%	122,990,459
12/03/2021	Cổ tức bằng cổ phiếu	12.49%	56,993,661
09/01/2020	ESOP	0.00%	16,767,471
12/31/2019	Cổ tức bằng cổ phiếu	16.00%	53,656,000
12/31/2018	Cổ tức bằng cổ phiếu	11.00%	33,233,000

Nguồn: Dữ liệu công ty, KIS Research

Chủ yếu NAB Chi trả cổ phiếu cổ tức

Nam A Bank vẫn duy trì cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng trong hơn 5 năm qua, với tỷ lệ dao động trong khoảng 10%–25% và bao gồm 1–2 đợt ESOP, Trong giai đoạn 2018–2022, NAB chủ yếu thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, bao gồm 11% trong năm 2018, 16% trong năm 2019, 12.49% trong năm 2021 và 18.74% trong năm 2022, Trong khi đó, giai đoạn 2023–2025, ngân hàng duy trì tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng 25% trong ba năm liên tiếp, NAB ưu tiên giữ lại vốn nhưng vẫn đảm bảo lợi ích cho cổ đông, giúp ngân hàng củng cố nền tảng vốn chủ sở hữu nhằm hỗ trợ tăng trưởng tài sản và đáp ứng các yêu cầu về an toàn vốn. Bên cạnh đó, kể từ khi NAB được giao dịch trên HOSE từ năm 2024, ngân hàng cũng cần một mức free-float nhất định để thu hút nhà đầu tư nước ngoài cũng như các quỹ đầu tư cổ phiếu quy mô lớn. Trong đầu tháng 5/2026, NAB hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 20%

Tăng vốn phát hành cổ phiếu riêng lẻ

Bảng 2, Phát hành riêng lẻ của Nam Á trong giai đoạn 2022

Phương thức tăng vốn	Giá niêm yết / Giá chào bán	Khối lượng cổ phiếu	Tổng giá trị
Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	20,000 đồng/cổ phiếu	143,000,000 cổ phiếu	2,860,000,000,000 đồng

Nguồn: Dữ liệu công ty, KIS Research

Kết hợp với phát hành trái phiếu riêng lẻ để gia tăng vốn

Tháng 2/2022, Nam A Bank hoàn tất phân phối 143 triệu cổ phiếu cho 8 nhà đầu tư tổ chức với giá 20,000 đồng/cổ phiếu, thu về giá trị ròng 2,831 tỷ đồng sau khi trừ chi phí. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm từ ngày 17/2/2022 đến ngày 16/2/2023. Kết hợp với đợt phát hành cổ tức bằng cổ phiếu trước đó, thương vụ phát hành riêng lẻ này đã giúp Nam A Bank tăng vốn điều lệ lên 6,500 tỷ đồng.

Bảng 3, Kế hoạch nâng vốn chủ sở hữu của Nam Á trong năm 2026

Phương thức tăng vốn	Giá niêm yết / Giá chào bán	Khối lượng cổ phiếu	Tổng giá trị
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (20%)	10,000 đồng/cổ phiếu	343,137,296 cổ phiếu	3,431,372,960,000 đồng
Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2026)	10,000 đồng/cổ phiếu	100,000,000 cổ phiếu	1,000,000,000,000 đồng
Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	Chưa xác định	100,000,000 cổ phiếu	1,000,000,000,000 đồng
Tổng vốn tăng thêm		543,137,296 cổ phiếu	5,431,372,960,000 đồng

Nguồn: Dữ liệu công ty, KIS Research

Dự kiến năm 2026 sẽ tiếp tục phát hành riêng lẻ

Trong năm 2026, điểm đáng chú ý nhất là sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu thường tỷ lệ 20%, NAB vẫn dự kiến triển khai thêm 100 triệu cổ phiếu ESOP và 100 triệu cổ phiếu phát hành riêng lẻ. Phát hành riêng lẻ có ý nghĩa quan trọng về mặt chiến lược vì mang lại nguồn vốn mới và tiềm năng bổ sung các nhà đầu tư chuyên nghiệp hoặc tổ chức vào cơ cấu cổ đông. Đợt phát hành này không chỉ là một hoạt động củng cố vốn, mà còn là bước chuẩn bị cho chiến lược mở rộng hệ sinh thái tài chính rộng hơn.

NAB dự kiến phát hành 100 triệu cổ phiếu cho hơn 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, với giá chào bán không thấp hơn giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu gần nhất. Nếu đợt phát hành riêng lẻ được thực hiện thành công, sự kiện này có thể giúp cải thiện tỷ lệ an toàn vốn của NAB và mở rộng vốn của ngân hàng.

II. Tăng trưởng theo hướng bền vững hơn

1. Lợi nhuận 1Q26 tăng trưởng tích cực

Bảng 4: Kết quả kinh doanh (Tỷ đồng, %)

	1Q25	4Q25	1Q26	yoy	qoq	KH 2026	yoy	% KH
Thu nhập từ lãi	2,112	2,328	2,072	(1.9)	(11.0)			
Thu nhập ngoài lãi	168	1,619	235	39.6	(85.5)			
Tổng thu nhập hoạt động	2,280	3,946	2,307	1.2	(41.6)			
Chi phí hoạt động	816	1,252	897	10.0	(28.3)			
Chi phí dự phòng	240	1,253	(234)	197.3	118.6			
Lợi nhuận trước thuế	1,225	1,442	1,643	34.2	13.9	6,200	18.0	26.5
Lợi nhuận sau thuế	976	1,140	1,311	34.3	15.0			
Lợi nhuận CD kiểm soát	976	1,140	1,311	34.3	15.0			

Nguồn: FiinproX, ngân hàng, KIS Research

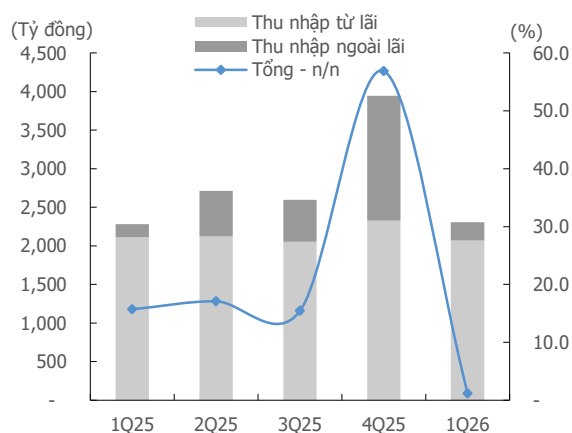
Lợi nhuận 1Q26 tăng trưởng vượt bậc 34.2% n/n. Hoàn thành 26.5% kế hoạch.

Kết quả kinh doanh 1Q26 duy trì tích cực, lợi nhuận sau thuế tăng mạnh 34.2% n/n đạt 1,643 tỷ đồng, hoàn thành 26.5% kế hoạch. Động lực chủ yếu là từ hoàn nhập trích lập, trong bối cảnh giá trị trích lập dự phòng trong năm 2025 cao. Trong 1Q26, NAB nằm trong 7/28 theo đúng tiến độ kế hoạch lợi nhuận đã đề ra cho năm 2026.

Trong 1Q26, thu ngoài lãi tăng 39.6% n/n đạt 235 tỷ đồng đóng góp từ hoạt động dịch vụ và đầu tư. Hoạt động dịch vụ trong 1Q26 tăng 16.2% n/n đạt 148 tỷ đồng và thu nhập từ hoạt động đầu tư tăng 362% n/n đạt 90 tỷ đồng. Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi/ Tổng thu nhập tăng từ 7.4% trong 1Q25 lên 10.2% trong 1Q26. Tuy nhiên, mức tăng trưởng thu nhập ngoài chưa đạt mức tăng trưởng ổn định qua các năm.

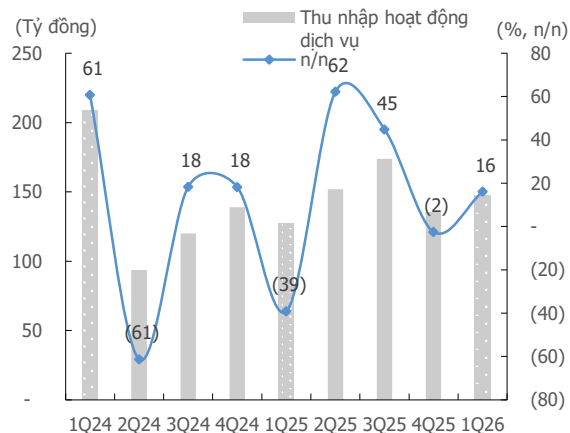
Tăng trưởng tín dụng (TTTTD) 1Q26 tăng 1.8% svdn và 13% n/n đạt 201,000 tỷ đồng. Theo NAB, Tín dụng 1Q25 tập trung vào nhóm ngành doanh nghiệp sản xuất, thủy sản, và phi bất động sản. Đồng thời, tín dụng giảm ở nhóm cho vay bất động sản. Trong khi đó, tổng tài sản 1Q26 giảm 2.2% svdn và tăng 56% n/n, đến từ việc giảm hoạt động thị trường liên ngân hàng.

Biểu đồ 22. Tổng thu nhập hoạt động



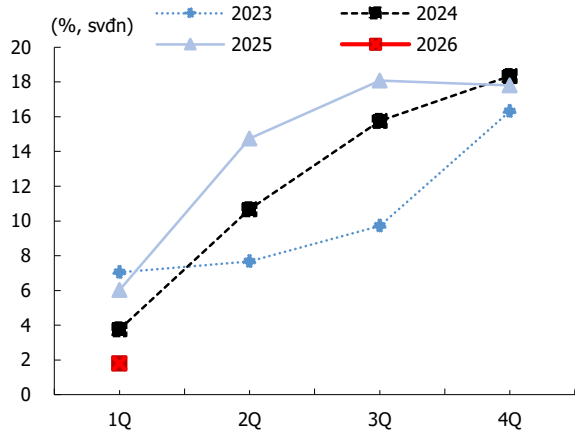
Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 23. Hoạt động dịch vụ qua các năm



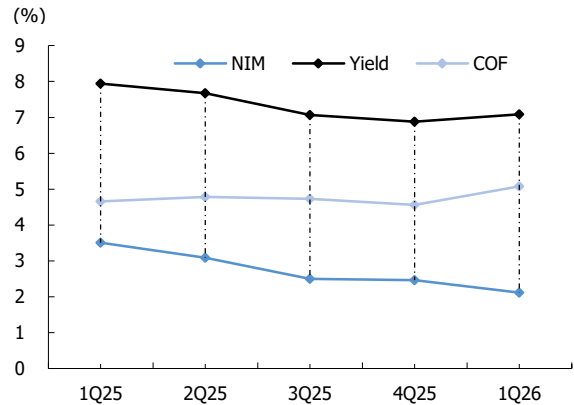
Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 24. Tăng trưởng tín dụng



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 25. Biên lãi ròng



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biên lãi ròng giảm từ 3.5% trong 1Q25 xuống còn 2.12% trong 1Q26. Biên lãi ròng chịu áp lực trong bối cảnh chi phí vốn tăng nhanh hơn lợi suất sinh lãi của tài sản.

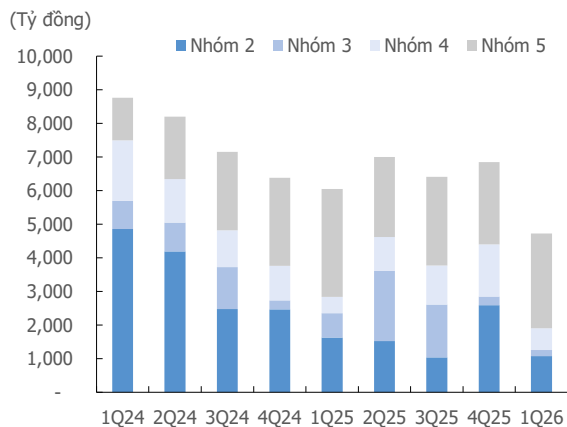
Chi phí hoạt động tăng 10%/n, việc gia tăng đến từ chi phí quản lý chung của ngân hàng. Trong khi đó, chi phí nhân viên được kiểm soát. Tỷ lệ CIR tăng từ 36% trong 1Q25 lên 39% trong 1Q26.

Trong 1Q26, chất lượng tài sản của NAB kể thiện đáng kể. Tỷ lệ nợ xấu giảm từ 2.5% trong 1Q25 (trước CIC là 2.1%) xuống còn 1.8% trong 1Q26 (trước CIC là 1.63%). Đặc biệt, nợ nhóm 2, nhóm 3, và nhóm 5 lần lượt giảm 34%, 75%, và 12% so cùng kỳ. Việc kiểm soát tốt các nhóm nợ sẽ giúp giảm áp lực dự phòng trong giai đoạn tới, tạo dư địa tăng trưởng lợi nhuận và thực hiện hóa kế hoạch đề ra.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) tăng từ 52% trong 1Q25 lên 56% trong 1Q26. Bên cạnh đó, Ngân hàng hướng tới mục tiêu nâng cao tỷ lệ lên mức 75%-80% so với nhóm ngân hàng tốt để tăng cường khả năng chống chịu của ngân hàng trước các biến động thị trường.

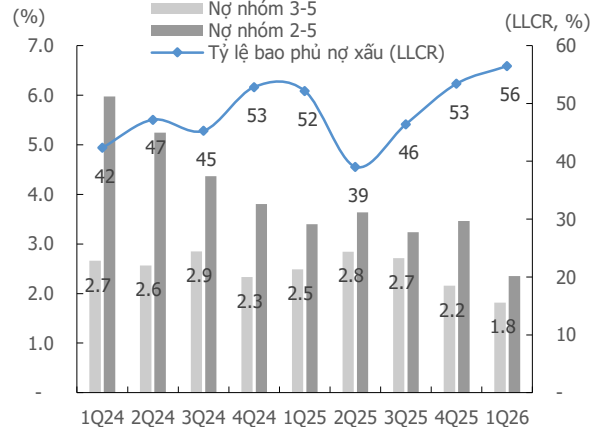
Chất lượng tài sản cải thiện

Biểu đồ 26. Nợ xấu



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 27. Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ bao phủ nợ xấu



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Theo báo cáo của ngân hàng, tỷ lệ dự trữ thanh khoản đạt hơn 22%, cao hơn so với yêu cầu tối thiểu là 10%. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) duy trì ở mức 10.5%, cao hơn quy định tối thiểu 8%.

Kế hoạch gia tăng hoạt động tín dụng và thu ngoài lãi

2. Kỳ vọng phát triển bền vững hơn

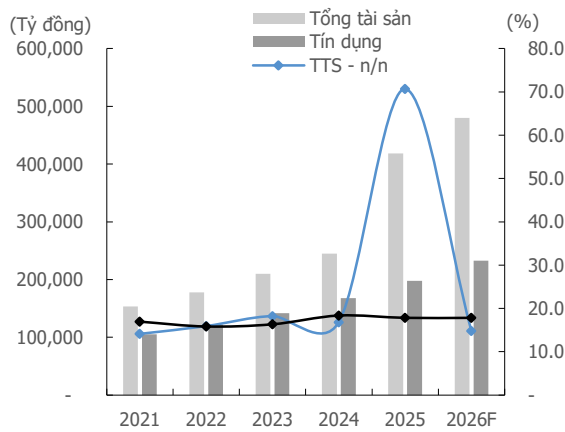
Năm 2026, NAB đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh vào hoạt động tín dụng và đồng thời kế hoạch mở rộng hệ sinh thái tài chính. HĐQT đã được thông qua chủ trương góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp thuộc các mảng phụ trợ tài chính bao gồm: Bảo hiểm, Chứng khoán, quản lý quỹ. Đồng thời, tham gia mảng quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh vàng, bao thanh toán, thẻ tín dụng, và dịch vụ trung gian thanh toán và cung cấp thông tin tín dụng.

Bảng 5: Kế hoạch kinh doanh (tỷ đồng, %)

	2025	Kế hoạch 2026	n/n	1Q26	% Kế hoạch
Tổng tài sản	418,333	480,000	+15%	409,207	85%
Huy động vốn	211,119	280,000	+33%	179,809	64%
Dư nợ cho vay	197,608	240,000	+21%	201,136	84%
Tỷ lệ nợ xấu	1.8%	< 2.5%		1.8%	
LNTT	5,254	6,200	+18%	1,643	26%

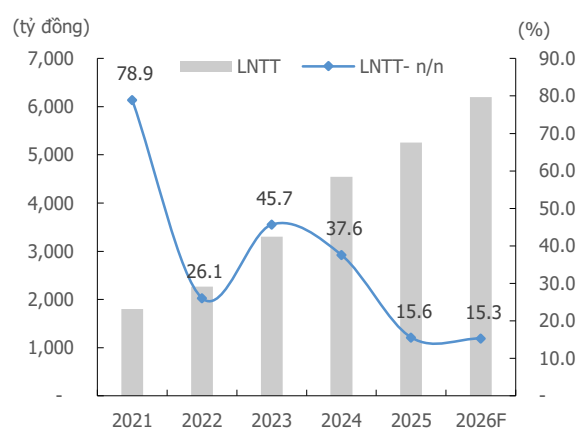
Nguồn: Ngân hàng, KIS Research
 Ghi chú: tăng trưởng dư nợ đồng thời đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng tín dụng phù hợp quy định của NHNN

Biểu đồ 28, Quy mô tín dụng, và tăng trưởng tín dụng



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 29, Lợi nhuận trước thuế qua các năm



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Lợi nhuận sau thuế ước tính tăng trưởng 15%/n đạt 4,182 tỷ đồng

Chúng tôi ước tính năm 2026, Lợi nhuận sau thuế đạt 4,182 tỷ đồng, +15% n/n với kỳ vọng tín dụng duy trì như năm trước đạt 18% n/n, biên lãi ròng duy trì so với cùng kỳ, Thu nhập ngoài lãi sẽ tiếp tục tăng trưởng 2 nhờ thu nhập từ hoạt động thanh toán và bảo hiểm. Trong năm 2026, chi phí nợ xấu được kiểm soát và trích lập dự phòng không tăng quá mạnh từ mức nền cao của năm 2025. So với kế hoạch của Ngân hàng, chúng tôi ước tính thận trọng hơn trong hoạt động tín dụng cho năm 2026.

Trong năm 2025, Nam Á Bank đã thành công ký kết hợp tác phân phối bảo hiểm nhân thọ với Generali. Phí thu từ mảng bancassurance kỳ vọng sẽ đóng góp lợi nhuận của NAB trong thời gian tới.

III. Đánh giá

1. Định giá

Định giá vẫn còn hấp dẫn

Theo ước tính thận trọng của chúng tôi, Lợi nhuận năm 2026 kỳ vọng đạt 4,820 tỷ đồng, tăng 15.3%/n. Trong khi đó, lợi nhuận 1Q26 đạt 26% kế hoạch cả năm 2026, bám sát kế hoạch. Kế hoạch tăng trưởng cho năm 2026 là 18%.

Dựa trên phương pháp định P/B, Chúng tôi tính toán giá trị P/Bfw của NAB trong năm 2026 đạt 0.9x, thấp hơn trung bình lịch sử 5 năm là 1.1x. Tiềm năng tăng giá là 19%.

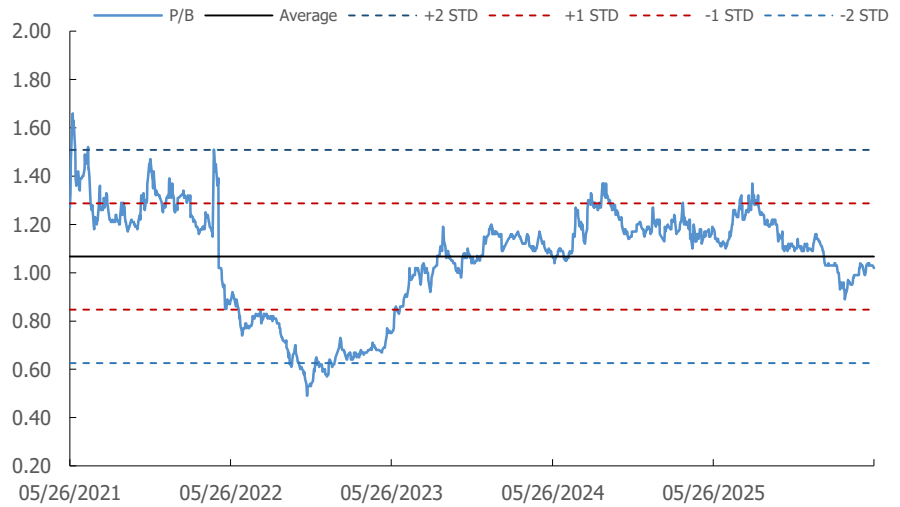
Hiện mức định giá P/B và P/E của NAB lần lượt đạt 1.0x và 4.1x, so với trung vị của các ngân hàng trong ngành lần lượt 1.0x và 7.5x. NAB có mức hiệu quả cao hơn hoặc tương đương trung bình ngành.

Bảng 6: Định giá cổ phiếu trong ngành (@ 30/05/2026)

Stt	Ngân hàng	Vốn hóa (tỷ đồng)	EPS (TTM)	BVPS (TTM)	ROA	ROE	P/B	P/E
1	LPB	155,339	3,738	16,561	2.0	24.7	3.2	14.2
2	SHB	66,153	2,608	13,654	1.4	18.1	0.9	4.9
3	VIB	54,804	2,231	14,437	1.4	16.4	1.1	7.0
4	SSB	39,830	1,099	14,581	0.8	7.7	1.0	12.8
5	MSB	47,736	1,884	14,095	1.6	14.1	1.1	7.3
6	TPB	44,107	2,661	15,989	1.5	17.9	0.9	5.8
7	EIB	39,676	401	14,191	0.3	2.9	1.5	53.2
8	OCB	30,758	1,604	13,106	1.3	12.7	0.9	7.1
9	ABB	21,796	3,213	12,813	1.6	21.2	1.2	4.4
10	NVB	21,941	43	7,175	0.0	0.6	1.6	247.0
11	VBB	14,000	1,279	11,665	0.6	10.5	1.1	9.4
12	BAB	12,115	1,135	12,693	0.6	9.2	0.9	9.2
13	VAB	8,531	1,758	12,948	1.0	14.4	0.8	5.0
14	KLB	8,213	3,438	15,208	2.0	24.7	1.0	3.3
15	BVB	7,882	829	11,948	0.4	7.1	1.1	14.8
16	PGB	7,634	1,238	11,857	0.9	10.9	0.9	7.5
17	SGB	4,186	314	11,827	0.3	2.7	1.0	34.5
	Trung vị	21,941	1,604	13,106	1.0	12.7	1.0	7.5
	NAB	24,088	2,194	11,987	1.2	19.7	1.0	4.1

Nếu so sánh với mức định giá lịch sử, thì mức định giá hiện tại của NAB cũng đạt mức thấp. P/B hiện tại là 1.0x, thấp hơn trung bình lịch sử 5 năm là 1.07x. Hiện tại mức room nước ngoài lần lượt đạt chỉ mới đạt 1.1%, tạo điều kiện thuận lợi cho NAB thu hút nguồn vốn nước ngoài trong quá trình tăng vốn. Theo kế hoạch, NAB tiếp tục tăng vốn thông qua phát hành riêng lẻ trong năm 2026.

Biểu đồ 30. Định giá P/B thấp trong lịch sử giao dịch



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

Biểu đồ 31. Giá cổ phiếu



Nguồn: FiinproX, Banks, KIS Research

- 2. Rủi ro:** Rủi ro gia tăng nợ xấu tăng trở lại, tăng trưởng tín dụng thấp hơn và áp lực biên lãi ròng giảm trước những biến động bất lợi của vĩ mô và thị trường.

Phụ lục: Tổng quan công ty

1. Lịch sử hình thành

1992	1993	2015	2018	2019
<ul style="list-style-type: none"> Thành lập và phát triển với phương châm "Hiệu quả, An toàn và Bền vững". Gia nhập thị trường liên ngân hàng Trở thành thành viên của thị trường đấu thầu tín phiếu Kho bạc Được cấp phép kinh doanh vàng. Gia nhập Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA). 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng. Khai trương trụ sở chính mới tại 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP.HCM. 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 3.021 tỷ đồng. Nhận giải thưởng Top 50 Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc giai đoạn 2011-2015 và Doanh nghiệp đạt chuẩn an ninh trật tự năm 2015. 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's Investors Service xếp hạng tín nhiệm B2. Nhận Chỉ số hài lòng Khách hàng CSI-2018. Ký kết hợp đồng tài trợ vốn với Quỹ Hợp tác Khí hậu Toàn cầu (GCPF) để triển khai chương trình "Tín dụng Xanh" tại Việt Nam. 2019 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 3.890 tỷ đồng. Triển khai thành công Thông tư 41 (Basel II). Đạt chứng nhận ISO 10002:2018 về quản lý chất lượng.
	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 13.726 tỷ đồng; Tổng tài sản đạt hơn 245.000 tỷ đồng. Hơn 1 tỷ cổ phiếu NAB chính thức niêm yết trên sàn HoSE. Hoàn thành báo cáo tài chính IFRS; Moody's nâng cấp nhiều chỉ số hiệu quả; Lần đầu tiên phát hành Báo cáo Phát triển Bền vững 2023. 		<ul style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ tăng lên 5.134 tỷ đồng. Ra mắt hệ sinh thái số Onebank. Trở thành ngân hàng đầu tiên triển khai dịch vụ thanh toán VietQR trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. 	
	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 17.157 tỷ đồng. Tổng tài sản vượt 400.000 tỷ đồng (+70.7% so với cùng kỳ). Huy động 30 triệu USD từ GCPF và Symbiotics cho tài chính ESG và Tài chính Xanh. Moody's duy trì xếp hạng B2 (Triển vọng Ổn định). 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 8.464 tỷ đồng. Hoàn thành các tiêu chuẩn quản trị rủi ro quốc tế theo Basel III. Nhận giải thưởng: Ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 5.564 tỷ đồng. Chính thức giao dịch cổ phiếu NAB trên sàn UpCOM. Nhận giải thưởng Doanh nghiệp Tăng trưởng nhanh và Xuất sắc Châu Á 2020. Đạt chứng nhận CEN/TS 16880:2015 về dịch vụ xuất sắc. 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 17.157 tỷ đồng. Tổng tài sản vượt 400.000 tỷ đồng (+70.7% so với cùng kỳ). Huy động 30 triệu USD từ GCPF và Symbiotics cho tài chính ESG và Tài chính Xanh. Moody's duy trì xếp hạng B2 (Triển vọng Ổn định).

Được thành lập vào ngày 21/10/1992, Nam A Bank là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên được thành lập sau khi Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được ban hành vào năm 1990,

Hoạt động chính của ngân hàng bao gồm cung cấp các dịch vụ ngân hàng như huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển, vay vốn từ các tổ chức tài chính khác; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá; góp vốn và đầu tư vào các liên doanh; cung cấp dịch vụ thanh toán cho khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng; thực hiện thanh toán quốc tế; huy động nguồn vốn từ nước ngoài và cung cấp các dịch vụ ngân hàng khác cho các đối tác nước ngoài theo sự cho phép của SBV

2. Cơ cấu tổ chức

Tính đến kỳ báo cáo, Nam A Bank sở hữu một công ty con do ngân hàng nắm giữ 100% vốn là Công ty TNHH Quản lý nợ & Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Nam Á (Công ty con)

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Nam Á (Tổng giá trị: 500 tỷ đồng)

Tính đến kỳ báo cáo, Nam A Bank sở hữu một công ty con do ngân hàng nắm giữ 100% vốn là Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Nam A Bank, Công ty có trụ sở tại SR18-SR19 Trung tâm Thương mại Quy Nhơn, số 07 Nguyễn Tất Thành, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng, Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty tập trung vào quản lý nợ và khai thác tài sản, đóng vai trò là đơn vị chuyên trách hỗ trợ ngân hàng trong hoạt động quản lý tài sản và thu hồi nợ.

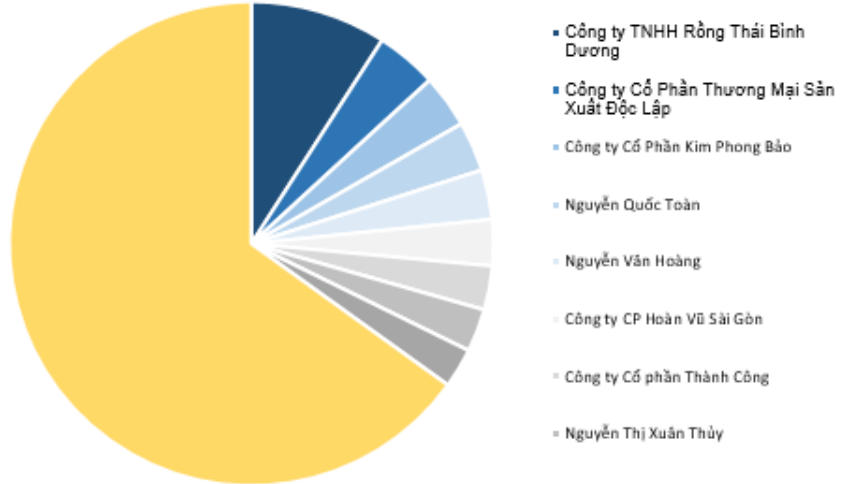


(Công ty con)

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Nam Á (Tổng giá trị: 500 tỷ đồng)

3. Cấu trúc cổ đông

Biểu đồ 23, Cơ cấu cổ đông



Nguồn: Finpro, KISVN

Bảng 7, Cơ cấu cổ đông của Nam Á

Tên cổ đông	Số cổ phần	% Sở hữu
Công ty TNHH Ròng Thái Bình Dương	155,990,215	9.09%
Công ty Cổ Phần Thương Mại Sản Xuất Độc Lập	43,333,322	4.10%
Công ty Cổ Phần Kim Phong Bảo	37,648,711	3.56%
Nguyễn Quốc Toàn	35,264,573	3.33%
Nguyễn Văn Hoàng	35,144,202	3.32%
Công ty CP Hoàn Vũ Sài Gòn	32,453,891	3.07%
Công ty Cổ phần Thành Công	31,049,556	2.94%
Nguyễn Thị Xuân Thủy	30,390,077	2.87%
Công ty TNHH Hoàn Cầu	28,027,908	2.65%
Phan Đình Tân	20,012,497	1.89%
Công ty Cổ phần Camellia	19,821,350	1.87%
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Và Dịch Vụ Thái Hưng Long	14,434,464	1.36%
Nguyễn Thị Liệu	13,415,102	1.27%
Trần Lưu Thật	12,691,806	1.20%
Công ty Cổ Phần Thiên Anh Sài Gòn	11,207,631	1.06%

Nguồn: FinproX, KIS Research

Balance sheet

(VND bn)

	2021A	2022A	2023A	2024A	2025A
Tổng TS	153,238	177,579	209,896	245,129	418,333
Tổng TS sinh lãi	147,342	169,877	204,241	238,895	406,475
Cho vay và TPDN	105,237	121,863	141,738	167,738	197,608
Hộ gia đình	88,128	101,984	110,554	123,736	135,597
Doanh nghiệp	17,108	19,880	31,185	44,002	62,011
Tiền gửi và cho vay	21,244	32,381	33,173	46,400	170,279
TCTD	20,862	15,633	29,330	24,757	38,589
Tiền gửi NHNN và TPCP	-	-	-	-	-
Trái phiếu VAMC	-	-	-	-	-
Tổng TS không sinh lãi	7,500	9,633	7,218	8,395	14,237
Khác	1,605	1,932	1,563	2,161	2,378
Tổng nợ phải trả	145,213	164,929	194,654	225,840	394,903
Tiền gửi của khách hàng	115,319	124,993	145,429	158,334	177,811
Trái phiếu	10,360	12,384	18,459	20,007	33,308
Tiền gửi và vay của TCTD	16,087	22,295	25,088	40,272	159,566
Tiền vay của CP và NHNN	1	1	0	2,578	18,029
Phải trả khác	3,445	5,256	5,678	4,649	6,189
Tổng VCSH	8,025	12,650	15,242	19,289	23,431
VCSH	8,025	12,650	15,242	19,289	23,431
Vốn điều lệ	5,134	8,464	10,580	13,726	17,157
Thặng dư VCSH	171	1,572	0	0	0
Quý khác	778	1,051	1,448	2,174	2,578
LN giữ lại	1,941	1,562	3,213	3,389	3,696
Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-
Cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-

Key financial data

	2021A	2022A	2023A	2024A	2025A
Sinh lợi và hiệu quả(%)					
ROE	19.6	17.5	18.8	20.9	19.6
ROA	1.0	1.1	1.4	1.6	1.3
NIM	3.2	3.3	3.7	3.7	2.7
Lãi TB trên tài sản	8.4	8.4	10.7	8.1	7.1
Chi phí vốn	5.1	5.2	7.3	4.6	4.5
Tỷ lệ chi phí / thu nhập	46.5	47.6	45.7	44.0	33.1
Chi phí tín dụng	0.8	0.8	0.6	0.3	1.3
Tăng trưởng (%)					
LN dành cho NH mẹ	79.4	26.0	45.0	37.6	15.9
LNTDPTD	64.9	21.4	32.6	22.0	52.3
Tăng trưởng tín dụng	16.9	15.8	16.3	18.3	17.8
Tổng TS	14.1	15.9	18.2	16.8	70.7
Chất lượng TS (%)					
Tỷ lệ nợ xấu	1.6	1.3	2.1	2.3	2.2
Tỷ lệ dự trữ lỗ tín dụng	79.5	77.2	51.6	52.8	53.4
Tỷ lệ cho vay / huy động	74.2	76.0	76.2	77.9	54.1
Tỷ lệ an toàn vốn (%)					
CAR	9.5	8.9	11.2	12.7	11.2
CET1					

Income statement

(VND bn)

	2021A	2022A	2023A	2024A	2025A
Tổng thu nhập hoạt động	4,819	5,973	7,644	9,052	11,535
Thu nhập lãi thuần	4,283	5,119	6,647	7,938	8,617
Thu nhập lãi	11,054	12,966	19,338	17,412	22,356
Chi phí lãi	6,771	7,847	12,691	9,474	13,740
Thu nhập ngoài lãi	535	854	997	1,114	2,918
Thu phí và hoa hồng dịch vụ	254	332	605	564	611
Lãi từ đầu tư tài chính	273	220	59	125	244
Khác	9	303	333	426	2,063
Dự phòng rủi ro tính dụng	780	863	848	521	2,463
Thu nhập hoạt động ròng	4,039	5,110	6,796	8,531	9,071
Chi phí quản lý và bán hàng	2,240	2,842	3,492	3,986	3,818
Chi phí nhân viên	1,333	1,527	1,888	2,104	1,888
Lợi nhuận trước DPTD	2,579	3,131	4,152	5,066	7,717
LNTT	1,799	2,268	3,304	4,545	5,254
Thuế	365	460	682	938	1,071
Thuế suất hiệu dụng (%)	20.3	20.3	20.7	20.6	20.4
Lãi từ hoạt động chính	1,426	1,505	2,289	3,181	2,119
Hoàn nhập nợ đã trích lập	9	303	333	426	2,063
LN ròng	1,434	1,808	2,622	3,607	4,182
LN dành cho NH mẹ	1,434	1,808	2,622	3,607	4,182

Valuation

	2021A	2022A	2023A	2024A	2025A
Chỉ số trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)					
BPS	5,171	6,376	7,683	9,369	11,381
EPS	828	836	1,246	1,679	1,959
Cổ tức	-	-	-	-	-
Định giá (x)					
P/B	2.3	1.8	1.5	1.2	1.0
P/E	14.1	14.0	9.4	7.0	6.0
P/PPE	7.0	7.4	5.6	4.8	3.1
Suất sinh lợi cổ tức (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	-	-	-	-	-
Phân tích ROE (%)					
ROE	19.6	17.5	18.8	20.9	19.6
Đòn bẩy (x)	19.1	14.0	13.8	12.7	17.9
TS sinh lãi / Tổng TS	95.2	94.6	96.6	96.6	96.6
LN ròng / TS sinh lãi	1.0	1.1	1.3	1.5	1.0
Thu nhập lãi thuần / TS sinh lãi	2.9	3.0	3.3	3.3	2.1
Thu nhập ngoài lãi / TS sinh lãi	0.4	0.5	0.5	0.5	0.7
Chi phí tín dụng / TS sinh lãi	0.5	0.5	0.4	0.2	0.6
Chi phí QL&BH / TS sinh lãi	1.5	1.7	1.7	1.7	0.9

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn,
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%,
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn
- CTCP chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex,
- Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex,

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp,

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo,

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo,

CTCP chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua

CTCP chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; CTCP chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới,

CTCP chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo,

CTCP chứng khoán KIS Việt Nam không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo 30 Mar 2020,

CTCP chứng khoán KIS Việt Nam đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác,

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại 30 Mar 2020,

CTCP chứng khoán KIS Việt Nam CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã phát hành chứng quyền có đảm bảo,

Người thực hiện: Phòng phân tích

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam, Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam, Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam,

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin, Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào, Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư, Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh, CTCP chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư, CTCP chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này, Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP chứng khoán KIS Việt Nam, Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư,

Bản quyền © 2020 của CTCP chứng khoán KIS Việt Nam, Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP chứng khoán KIS Việt Nam,

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà TNR,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

PGD Phạm Ngọc Thạch

Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84 28) 7108 1188
Fax: (+84 28) 3820 9229

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 06, Tòa nhà CTM,
299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 3974 4448
Fax : (+84 24) 3974 4501

PGD Bà Triệu

Lầu 06, 74 Bà Triệu, P. Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7106 3555
Fax: (+84 24) 3632 0809

PGD Láng Hạ

P.504A, Lầu 05, Tòa nhà TĐL,
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7108 1188
Fax : (+84 24) 3244 4150

Báo cáo này được thực hiện bởi CTCP chứng khoán KIS Việt Nam và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. CTCP chứng khoán KIS Việt Nam không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này. Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp, những người sẽ tự đưa ra quyết định đầu tư mà không phụ thuộc quá mức vào báo cáo này và công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hậu quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của báo cáo.

Bản quyền © 2020 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.